CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công

Ngày 31/12/2024	47,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.1%	**3.8%**	**-**

DT thuần
Q4/24
925
tỷ VNĐ
QoQ: ▼180| -16.3%
YoY: ▲ 110| 13.5%

LN thuần
Q4/24
85.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.80| -2.1%
YoY: ▲ 52.1| 158%

LN sau thuế
Q4/24
61.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.8| -24.4%
YoY: ▲ 39.3| 175%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
9.8%
YoY: +/-▲ 3.0%

ROE
2024
12.9%
YoY: +/-▲ 6.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	36,364 - 53,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,874
Số lượng CPLH (CP)	101,855,032
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,567,050
Sở hữu nước ngoài	50.0%
Beta	1.14
EPS	2,710
P/E	17.7

DT thuần
2024
3,810
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 485| 14.6%

LN thuần
2024
339
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 154| 83.9%

LN sau thuế
2024
278
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 144| 108%

Cơ cấu sở hữu

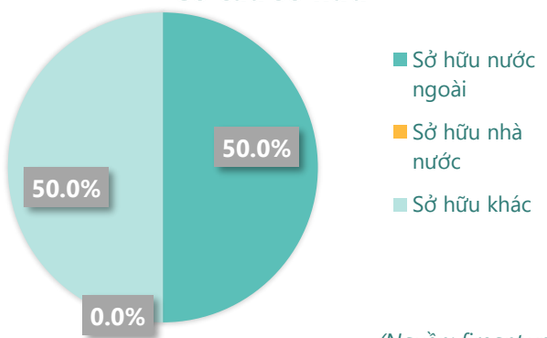

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

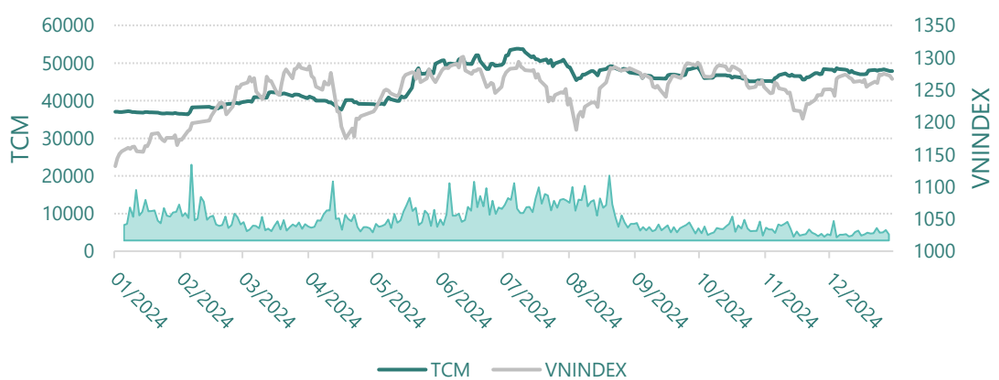

Cơ cấu cổ đông

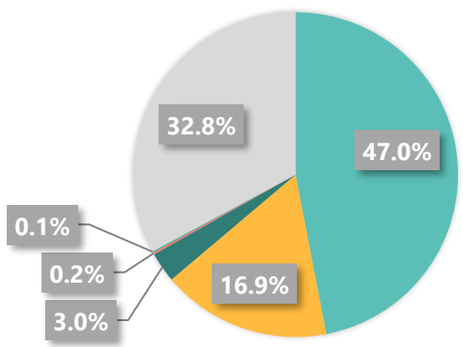

- E-Land Asia Holdings Pte., Ltd
- Nguyễn Văn Nghĩa (Thành viên HĐQT)
- CTCP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
- Nguyễn Minh Tuấn
- CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

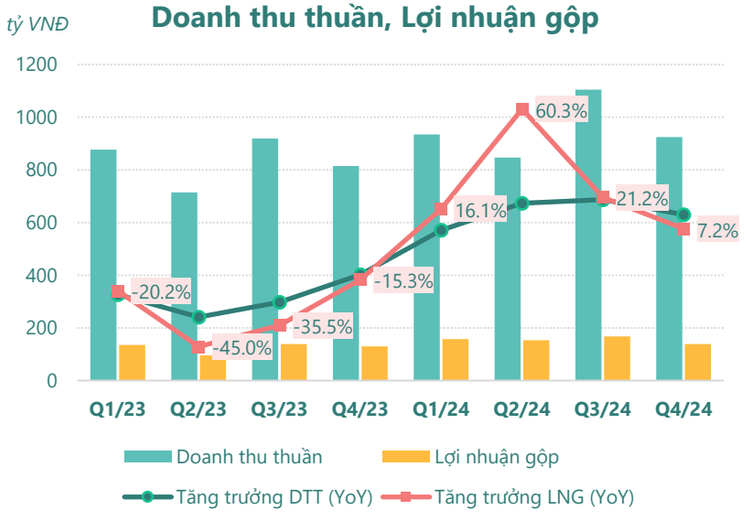

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

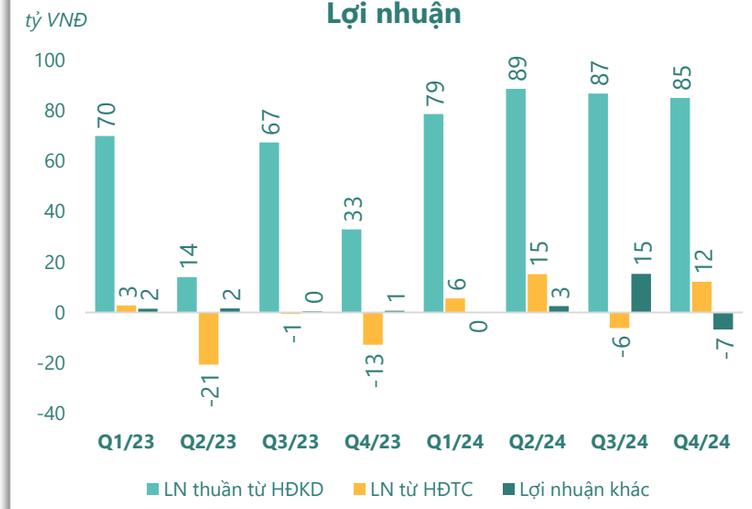

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

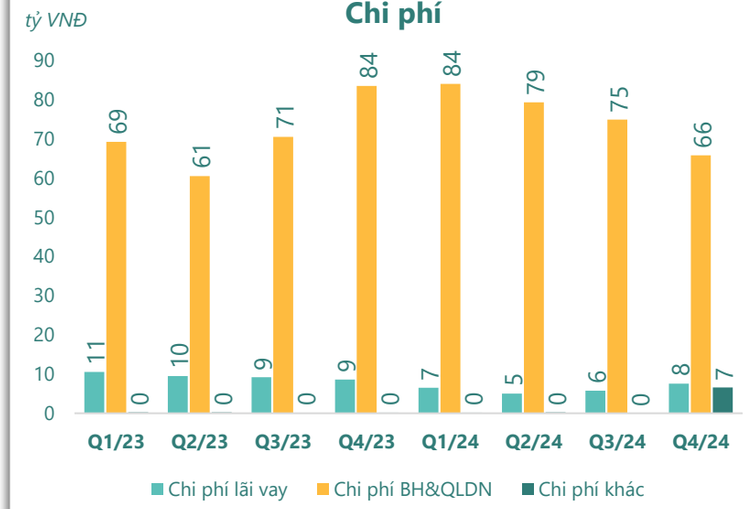

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

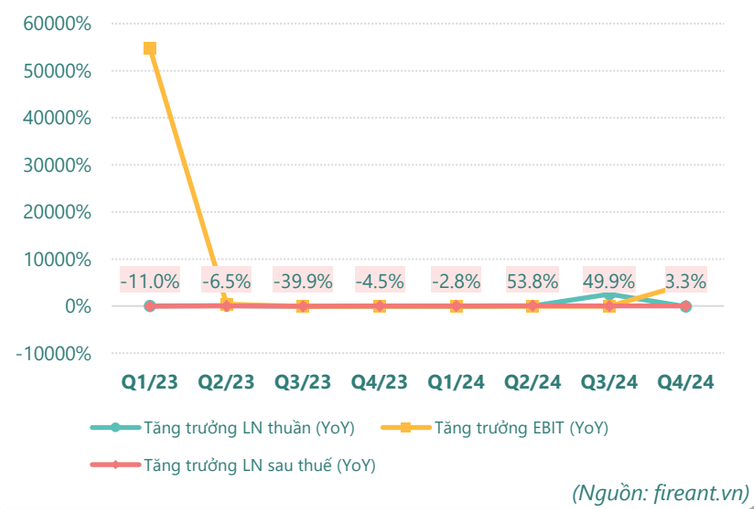

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

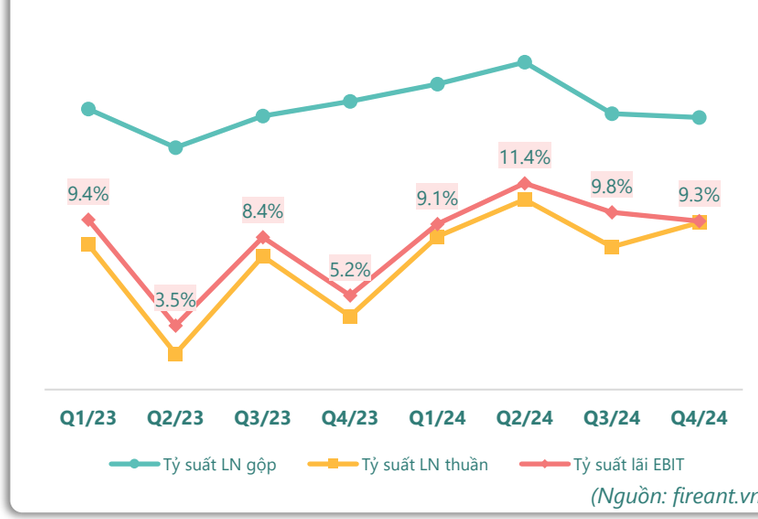

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

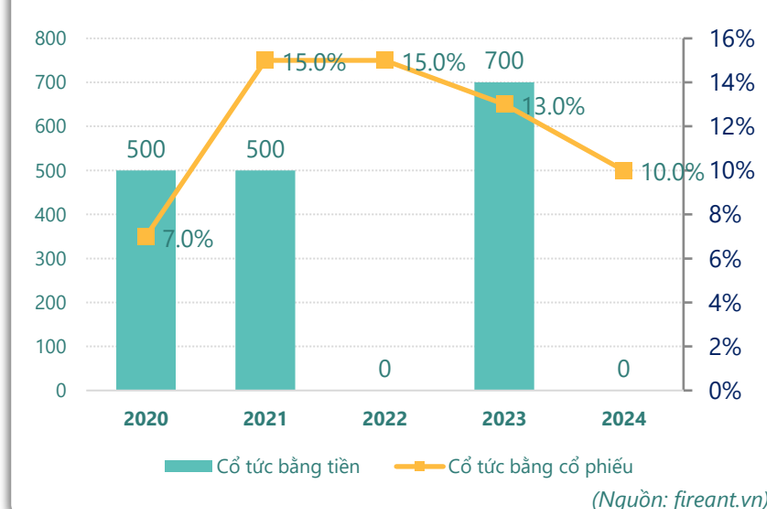

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

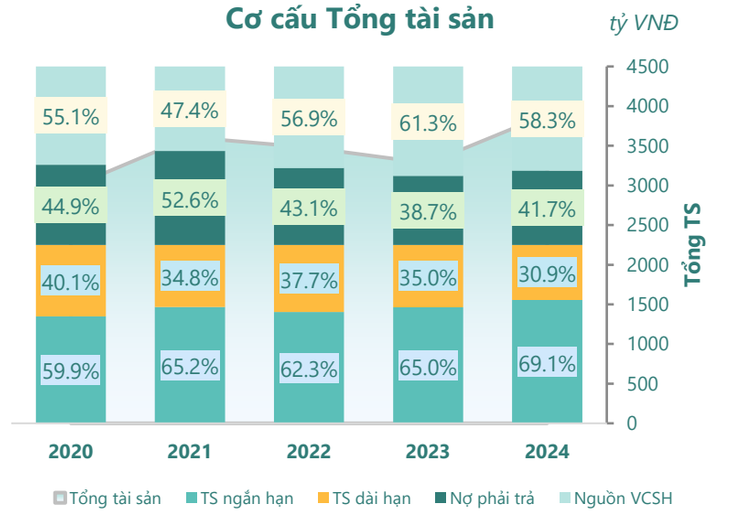

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

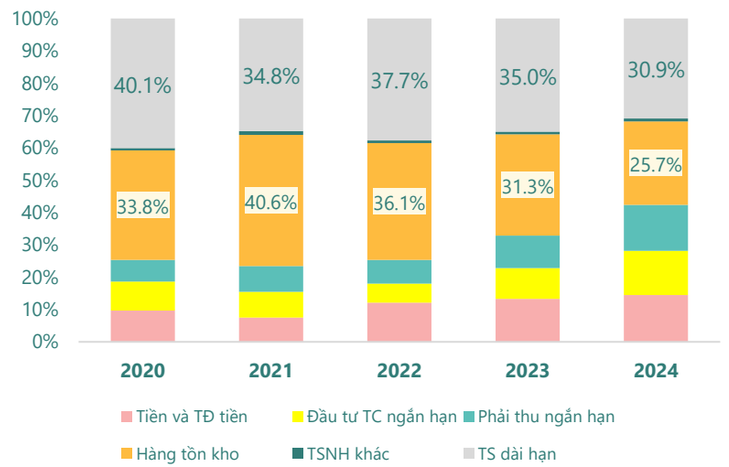

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

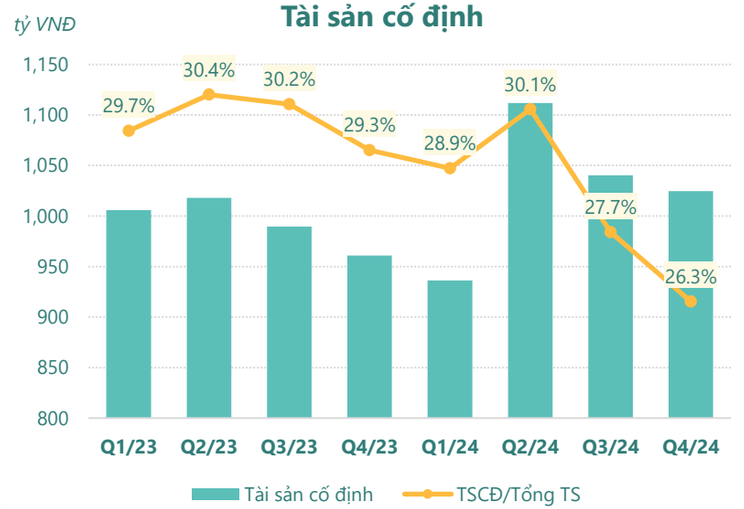

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

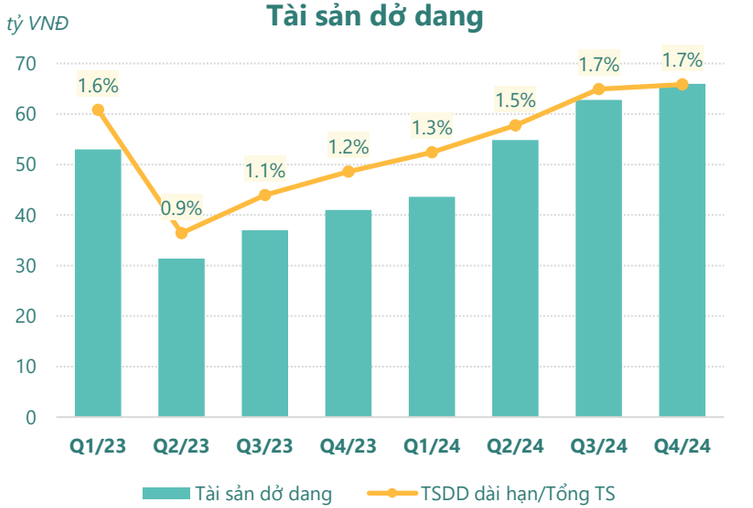

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

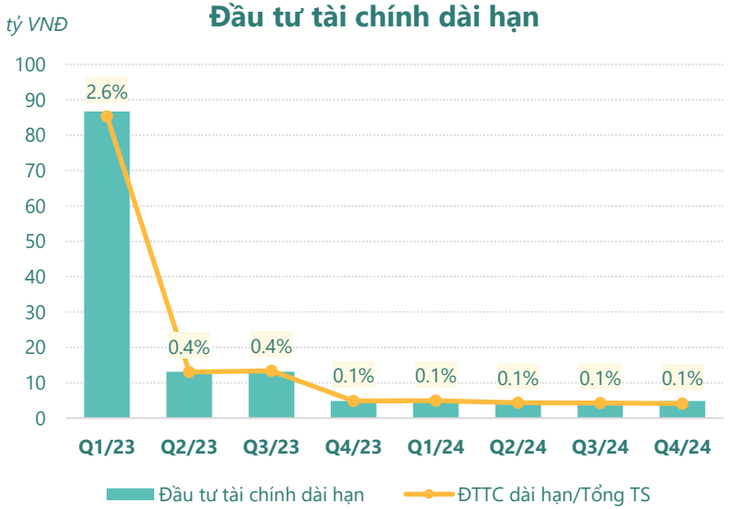

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

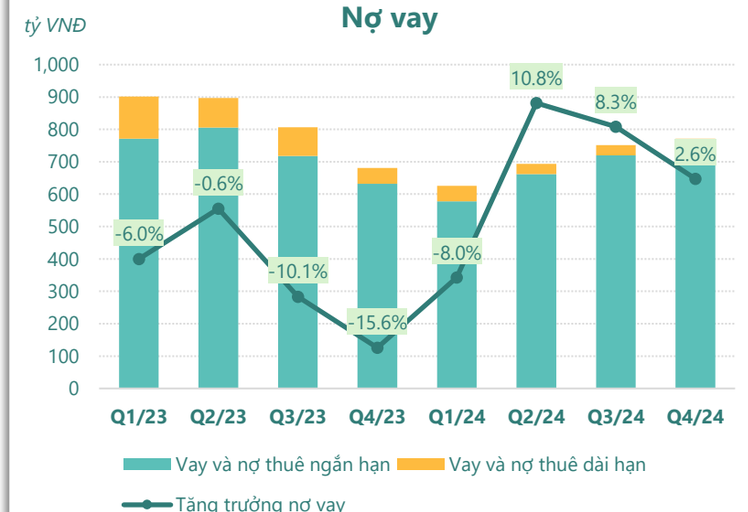

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

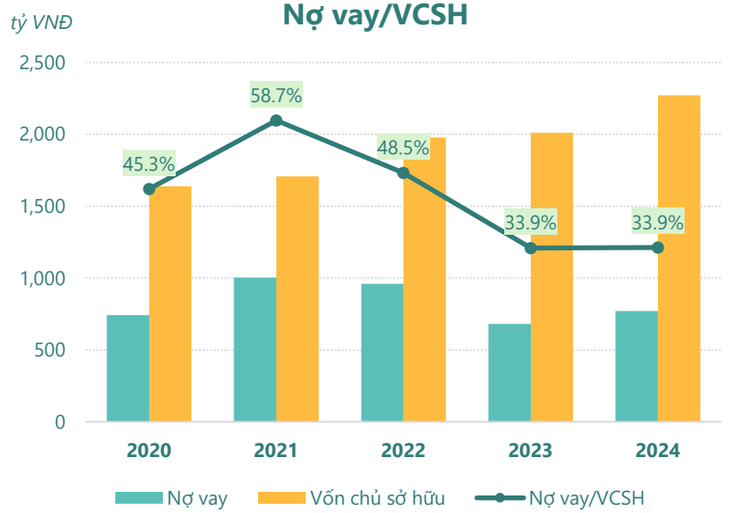

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

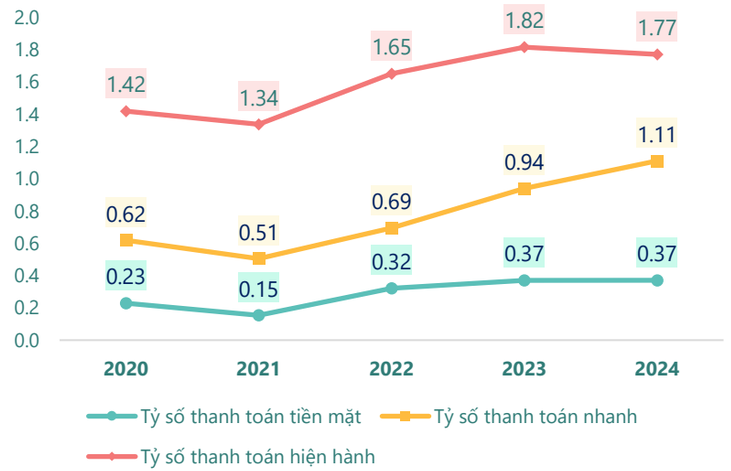

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

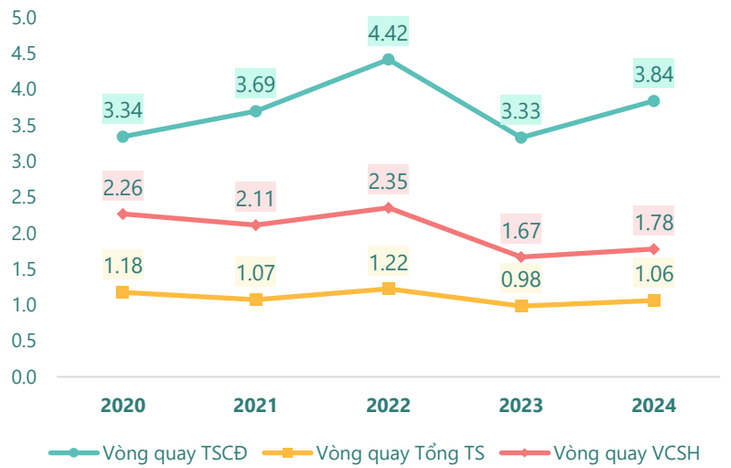

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

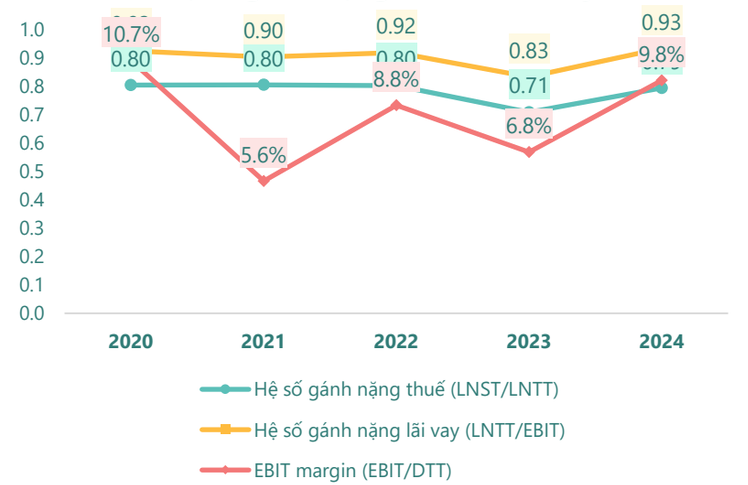

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

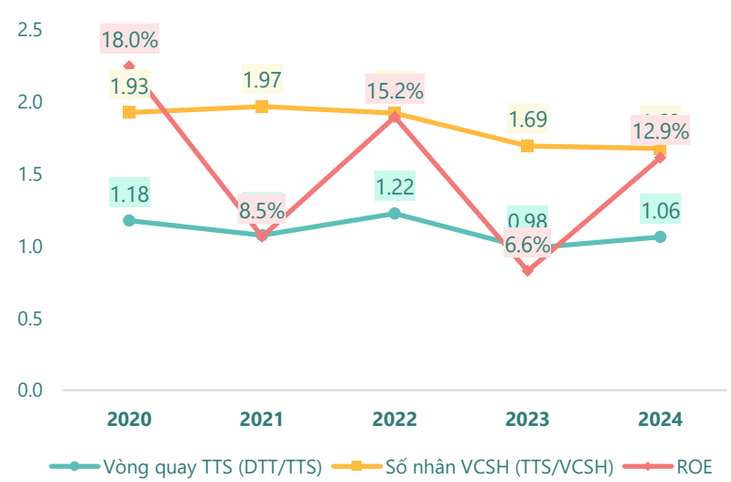

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

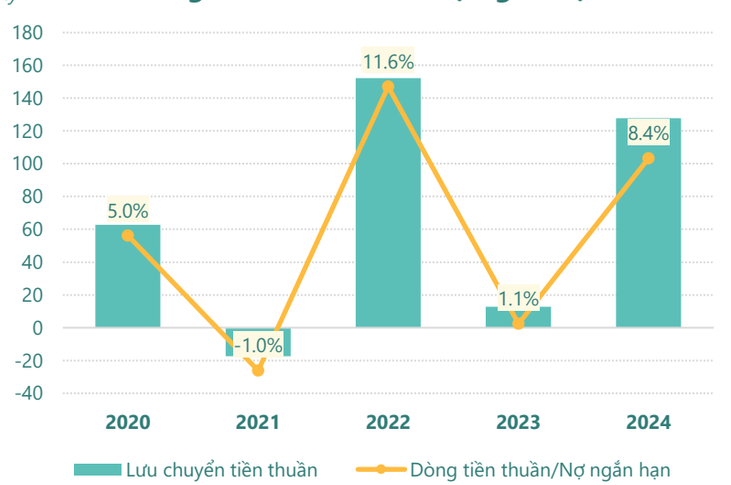

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**925**	**815**	**13.5%**	**3,810**	**3,325**	**14.6%**
Giá vốn hàng bán	786	685	14.8%	3,194	2,826	13.0%
Lợi nhuận gộp	139	129	7.5%	617	499	23.7%
Doanh thu HĐTC	26.1	15.4	69.7%	91.5	82.1	11.5%
Chi phí TC	13.9	28.2	-50.7%	64.7	113	-43.0%
Chi phí lãi vay	7.55	8.63	-12.5%	24.9	37.8	-34.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0.99**	**-100%**
Chi phí bán hàng	37.2	42.3	-12.1%	154	147	5.0%
Chi phí QLDN	**28.6**	**41.2**	**-30.5%**	**150**	**137**	**9.4%**
LN thuần từ HĐKD	85.1	33.0	158%	339	185	83.9%
Lợi nhuận khác	**-6.77**	**0.67**	**-1110%**	**11.0**	**4.27**	**158%**
LN trước thuế	78.3	33.6	133%	350	189	85.6%
Lợi nhuận sau thuế	**61.7**	**22.4**	**175%**	**278**	**134**	**108%**
LNST của CĐ cty mẹ	**60.9**	**21.7**	**181%**	**276**	**132**	**109%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	142	198	101	14.7	189	86.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.01	-2.00	-44.7	-77.7	-157	-72.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-99.8	-107	-61.6	72.6	58.3	18.9
Tiền đầu kỳ	304	346	435	430	442	530
Lưu chuyển tiền thuần	**42.3**	**88.8**	**-5.00**	**9.55**	**90.1**	**33.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.12	0	2.16	-2.16	0.56
Tiền cuối kỳ	346	435	430	442	530	563

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,896**	**3,279**	**18.8%**
Tài sản ngắn hạn	2,690	2,131	26.2%
Tiền và tương đương tiền	563	435	29.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	533	313	70.4%
Phải thu ngắn hạn	556	329	68.9%
Hàng tồn kho	1,003	1,028	-2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	35.2	26.1	35.0%
Tài sản dài hạn	**1,205**	**1,149**	**5.0%**
Phải thu dài hạn	0.36	0.44	-18.1%
Tài sản cố định	1,025	961	6.6%
Bất động sản đầu tư	2.31	2.38	-2.9%
Tài sản dở dang	65.9	41.0	60.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.81	4.80	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**107**	**139**	**-22.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,624	1,269	27.9%
Nợ ngắn hạn	**1,518**	**1,173**	**29.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	712	632	12.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	479	265	80.4%
Nợ dài hạn	106	95.8	10.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	59.6	48.0	24.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,272**	**2,010**	**13.0%**
Vốn chủ sở hữu	**2,272**	**2,010**	**13.0%**
Vốn điều lệ	1,020	927	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)